

Số: /QĐ-UBND Hải Dương, ngày tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức, năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 630/TTr-STNMT ngày 05 tháng 8 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế của lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế: 25 thủ tục hành chính. Nội dung thủ tục hành chính được công bố Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và

Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Chi tiết, có phụ lục đính kèm).

2. Bãi bỏ thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục “Đăng ký khai khác nước dưới đất” tại Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải quyết, niêm yết công khai thủ tục hành chính theo quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo quy định; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính, gỡ bỏ quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định. Hoàn thành trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, TTPVHCC. (02b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Hùng**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**A1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>				
1	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt chấp thuận tạm dừng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
2	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng,	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền trả lại giấy phép	thành phố Hải Dương.		đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
3	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận được tờ khai đăng ký	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
4	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
5	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</li> </ul>
6	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</li> <li>- Trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> </ul>

## A2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>				
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</li> <li>- Trong thời hạn 42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước cấp phép</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức phí 1: 150.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm);</li> <li>- Mức phí 2: 500.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm);</li> <li>- Mức phí 3: 1.000.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm);</li> <li>- Mức phí 4: 1.800.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</li> </ul>
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức 1: 75.000đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm);</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	- Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước gia hạn, điều chỉnh giấy phép	đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Mức 2: 250.000đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 200m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 500m <sup>3</sup> /ngày đêm); - Mức 3: 500.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 500m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000m <sup>3</sup> /ngày đêm); - Mức 4: 900.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 1.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm).	<i>định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</i> - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
3	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước cấp phép	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Mức phí 1: 150.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò dưới 200m <sup>3</sup> /ngày đêm); - Mức phí 2: 500.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 200m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 500m <sup>3</sup> /ngày đêm); - Mức phí 3: 1.000.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				thăm dò từ 500m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000m <sup>3</sup> /ngày đêm); - Mức phí 4: 1.800.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 1.000m <sup>3</sup> /ngày đêm).	17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</li> <li>- Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước gia hạn, điều chỉnh giấy phép</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức 1: 75.000đ (Hồ sơ có lưu lượng dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm);</li> <li>- Mức 2: 250.000đ (Hồ sơ có lưu lượng từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm);</li> <li>- Mức 3: 500.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm);</li> <li>- Mức 4: 900.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng từ 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</li> </ul>
5	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1	Phí thăm định hồ sơ: 500.000 đ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>đủ, hợp lệ của hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước cấp phép.</li> </ul>	<p>Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.</p>		<p><i>CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</li> </ul>
6	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</li> <li>- Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước gia hạn, điều chỉnh giấy phép</li> </ul>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.</p>	<p>Phí thẩm định hồ sơ: 250.000 đ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</i></li> <li>- <i>Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</i></li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</li> </ul>
7	<p>Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc xem</li> </ul>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính</p>	<p>Phí thẩm định hồ sơ: 150.000 đ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</i></li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	đất quy mô vừa và nhỏ.	xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định nhiệm xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước cấp lại giấy phép	công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.		- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
8	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
9	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	- Trong thời hạn 45 ngày khi nộp cùng hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh,	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		dụng tài nguyên nước. - Trong thời hạn 38 ngày khi nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước	đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.		<i>định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</i>
10	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
11	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	- Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được tờ khai đăng ký; - Trong thời hạn 28 ngày đối với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

### A3. Danh mục Thủ tục hành chính thay thế

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>					
1	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m <sup>3</sup> /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m <sup>3</sup> , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m <sup>3</sup> /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m <sup>3</sup> , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định nhiệm xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước cấp phép	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Mức phí 1: 200.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng dưới 500m <sup>3</sup> /ngày đêm (ngoại trừ đề án cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng không vượt quá 0,1m <sup>3</sup> /giây; cho phát điện với công suất không vượt quá 50Kw); - Mức phí 2: 600.000 đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,1m <sup>3</sup> /giây đến dưới 0,5m <sup>3</sup> /giây); - Mức phí 3: 1.500.000 đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,5m <sup>3</sup> /giây đến dưới 1,0m <sup>3</sup> /giây; cho phát điện với công suất từ 200Kw đến dưới 2.000Kw; cho mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m <sup>3</sup> /ngày	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>đêm đến dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm);</p> <p>- Mức phí 4: 2.500.000 đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,5m<sup>3</sup>/giây đến dưới 1,0m<sup>3</sup>/giây; cho phát điện với công suất từ 200Kw đến dưới 1.000Kw; cho mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm).</p>	
2	<p>Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với</p>	<p>Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt</p>	<p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước Gia hạn, điều chỉnh</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.</p>	<p>- Mức phí 1: 100.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm (ngoại trừ đề án cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng không vượt quá 0,1m<sup>3</sup>/giây; cho phát điện với công suất không vượt quá 50Kw);</p> <p>- Mức phí 2: 300.000 đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,1m<sup>3</sup>/giây đến dưới</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.				0,5m <sup>3</sup> /giờ); - Mức phí 3: 750.000 đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,5m <sup>3</sup> /giờ đến dưới 1,0m <sup>3</sup> /giờ; cho phát điện với công suất từ 200Kw đến dưới 2.000Kw; cho mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 20.000m <sup>3</sup> /ngày đêm); - Mức phí 4: 1.250.000 đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,5m <sup>3</sup> /giờ đến dưới 1,0m <sup>3</sup> /giờ; cho phát điện với công suất từ 200Kw đến dưới 2.000Kw; cho mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm).	- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
3	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		phép khai thác tài nguyên nước	tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan nhà nước trả lại giấy phép	tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</li> </ul>
4	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định xem xét, kiểm tra và trình cơ quan	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	<p><b>* Đối với Giấy phép thăm dò nước dưới đất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức phí 1: 50.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm);</li> <li>- Mức phí 2: 167.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm);</li> <li>- Mức phí 3: 334.000 đ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			nhà nước cấp lại giấy phép		<p>(Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm);</p> <p>- Mức phí 4: 600.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm).</p> <p><b>* Đối với Giấy phép khai thác nước dưới đất:</b></p> <p>- Mức phí 1: 50.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm);</p> <p>- Mức phí 2: 167.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm);</p> <p>- Mức phí 3: 334.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm);</p> <p>- Mức phí 4: 600.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm</p>	<p>cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</p>



TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>dò từ 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm).</p> <p><b>* Đối với giấy phép khai thác nước mặt, nước biển:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức phí 1: 67.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm (ngoại trừ đề án cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng không vượt quá 0,1m<sup>3</sup>/giây; cho phát điện với công suất không vượt quá 50Kw);</li> <li>- Mức phí 2: 200.000 đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,1m<sup>3</sup>/giây đến dưới 0,5m<sup>3</sup>/giây);</li> <li>- Mức phí 3: 500.000 đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,5m<sup>3</sup>/giây đến dưới 1,0m<sup>3</sup>/giây; cho phát điện với công suất từ 200Kw</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>đến dưới 2.000Kw; cho mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm);</p> <p>- Mức phí 4: 834.000 đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,5m<sup>3</sup>/giờ đến dưới 1,0m<sup>3</sup>/giờ; cho phát điện với công suất từ 200Kw đến dưới 1.000Kw; cho mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm).</p>	
5	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	<p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận được phương án đạt yêu cầu quy định,</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Chưa quy định	<p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước</p>

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết thì tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa.			
6	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước liên	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân	Trong thời hạn 56 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị lấy ý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m <sup>3</sup> /giây trở lên	(đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	kiến của tổ chức, cá nhân đầu tư dự án	Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.		54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

### B1. Danh mục thủ tục hành chính thay thế

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>					
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được tờ khai	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Bộ phận Tiếp nhận và	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định

				trả kết quả cấp xã		việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m <sup>3</sup> /giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Trong thời hạn 42 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị lấy ý kiến	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Chưa quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên					
---	--	--	--	--	--